

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 415/2026/DS-PT

Ngày: 24-7-2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Phương và bà Nguyễn Thị Thủy Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Yến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2026/TLPT-DS, ngày 26/5/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2026/DS-ST ngày 05/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 462/2026/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH X

Địa chỉ: H H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Bình T – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trần Triều C, sinh năm 1999 -
Địa chỉ: A T, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Long K, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Long K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH X có thỏa thuận mua bán phân bón với ông Long K (là chủ Đại lý Kết Hận), hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng về việc mua bán chứ không lập hợp đồng mua bán, theo đó thì công ty giao hàng trước cho ông Long K, ông Long K sẽ thanh toán sau. Công ty đã giao

phân bón cho ông **L** Kết từ ngày 03/10/2020 đến ngày 08/02/2021 với tổng giá trị là 179.000.000 đồng, trong thời gian này thì ông **Long K** có thanh toán vào ngày 31/12/2020 với số tiền mua phân bón là 29.989.000 đồng, tiền chiết khấu là 7.160.000 đồng, tiền phí chuyển tiền là 11.000 đồng; đến ngày 08/02/2021 thì ông **Long K** thanh toán tiếp số tiền mua phân bón là 9.978.000 đồng, tiền phí chuyển tiền là 22.000 đồng. Tuy nhiên, kể từ ngày 08/02/2021 ông **Long K** không thanh toán tiền cho công ty nên vào ngày 28/02/2021 thì công ty đã chốt nợ lại với ông **Long K**, theo đó tổng cộng ông **Long K** đã thanh toán cho công ty số tiền là 47.160.000 đồng và còn nợ công ty tổng số tiền là 131.840.000 đồng. Hai bên đã lập biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ vào ngày 28/02/2021, ông **Long K** đã ký vào biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ này. Sau khi đối chiếu công nợ vào ngày 28/02/2021 với ông **Long K** thì công ty xác nhận từ ngày 10/3/2021 đến ngày 23/8/2021 ông **Long K** đã thanh toán tổng số tiền 100.000.000 đồng, ông **Long K** còn nợ công ty 31.840.000 đồng tiền gốc. Nay công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Long K** trả cho **công ty TNHH X** số tiền nợ gốc là 31.840.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 24/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Long K** trình bày:*

Công ty TNHH X có thỏa thuận mua bán phân bón với ông, hai bên thỏa thuận bằng miệng công ty giao hàng trước cho ông và ông sẽ thanh toán sau. Công ty đã giao phân bón cho ông từ ngày 03/10/2020 đến ngày 08/02/2021 với tổng giá trị là 179.000.000 đồng, trong thời gian này thì ông có thanh toán cho công ty số tiền là 47.160.000 đồng và còn nợ công ty tổng số tiền là 131.840.000 đồng. Hai bên đã lập biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ vào ngày 28/02/2021, ông đã ký vào biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ này. Tuy nhiên, sau ngày 28/02/2021 thì ông đã nhiều lần trả thêm tiền cho công ty với tổng số tiền là 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 05/12/2020, bà **Nguyễn Thị Như N** là nhân viên công ty có yêu cầu ông **Long K** cho mượn lại 150 bao phân bón với tổng số tiền là 71.710.000 đồng và nói là hôm sau sẽ trả cho ông, ông lúc đầu không cho nhưng bà **N** năn nỉ quá và ông cũng tin tưởng bà **N** là nhân viên công ty nên ông mới giao trực tiếp 150 bao phân bón này cho bà **N** nhận nhưng không ngờ là bà **N** không trả. do công ty không thông báo cho ông biết làm ông tin tưởng mà cho bà **N** mượn lại 150 bao phân bón này nên ông yêu cầu công ty phải trừ số tiền 150 bao phân bón với tổng số tiền là 71.710.000 đồng mà bà **N** đã mượn của ông. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2026/DS-ST ngày 05/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và phụ lục kèm theo;

- Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty TNHH X**:

Buộc ông **Long K** phải trả cho **Công ty TNHH X** AGRICULTURE tiền gốc là 31.840.000 đồng và tiền lãi là 14.407.000 đồng, tổng cộng là 46.247.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/3/2026, bị đơn ông **Long K** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có văn bản trình bày ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự, đủ cơ sở để xác định ông **Long K** hiện đang nợ số tiền mua phân bón của **Công ty TNHH X** là 31.840.000 đồng nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có cơ sở. Quá trình xét xử phúc thẩm ông **Long K** không có tài liệu chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông **Long K**, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2026/DS-ST ngày 05/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hạn hạn cáo: Bị đơn ông Long K làm đơn kháng cáo là trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và pháp luật được áp dụng giải quyết vụ án: Xét nội dung đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định mối quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự có đủ căn cứ để xác định Công ty TNHH X có thỏa thuận mua bán phân bón với ông Long K (là chủ Đại lý Kết Hận), đến ngày 28/02/2021 thì hai bên đã lập bản đối chiếu công nợ và ông kết còn nợ công ty tổng số tiền là 131.840.000 đồng, từ ngày 28/02/2021 đến ngày 23/8/2021 thì ông K đã nhiều lần thanh toán cho Công ty với tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Như vậy, ông K còn nợ của Công ty TNHH X số tiền là 31.840.000 đồng nên Công ty yêu cầu ông K phải thanh toán số tiền trên và lãi suất là có căn cứ.

[2.2]. Ông Long K cho rằng vào ngày 05/12/2020, ông có cho bà Nguyễn Thị Như N là nhân viên công ty TNHH X mượn lại 150 bao phân bón với tổng số tiền là 71.710.000 đồng vì do tin tưởng bà N là nhân viên công ty nhưng đến nay bà N vẫn không trả. Đến ngày 09/6/2021 thì ông mới biết là bà N đã nghỉ việc tại công ty trước ngày 05/12/2020 nhưng công ty lại không thông báo cho ông biết làm ông tin tưởng nên cho bà N mượn lại 150 bao phân bón này, do đó ông yêu cầu công ty phải trừ số tiền 150 bao phân bón với tổng số tiền là 71.710.000 đồng mà bà N đã mượn của ông, thấy rằng: Việc ông K cho bà N mượn 150 bao phân bón là sự thỏa thuận cá nhân giữa bà N với ông K mà không liên quan gì đến Công ty TNHH X vì Công ty không yêu cầu ông K phải cho bà N1 mượn hàng hóa và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện bà N là đại diện của Công ty đến làm việc với ông K, Công ty cũng không có trách nhiệm phải thông báo với ông K về việc tuyển dụng hay cho nhân viên là bà N nghỉ việc, nên Công ty không phải chịu trách nhiệm đối với thỏa thuận này. Nếu có việc thỏa thuận cho mượn giữa bà N với ông K thì ông K có quyền yêu cầu bà N hoàn trả cho ông. Do đó việc ông Long K kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc C1 Công ty TNHH X phải cản trừ số tiền này là không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X là có căn cứ. Ông Long K kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng ông K thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị

kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Long K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2026/DS-ST ngày 05/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Lâm Đồng..

2. Căn cứ: Điều 147, Khoản 1 Điều 148, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X.

Buộc ông Long K phải trả cho Công ty TNHH X tổng số tiền là 46.247.000 đồng, trong đó 31.840.000 đồng tiền gốc và 14.407.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Long K phải chịu 2.312.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH X số tiền 4.422.125 đồng theo biên lai thu tiền số 0008351 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Long K được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 24/7/2026)./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy Tiên Nguyễn Lê Phương Nguyễn Anh D

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- TAND Khu vực 13;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng THADS Khu vực 13;
- Các đương sự;
- Công TTĐT-TANDTC
- Lưu: HS; Tòa DS; Tổ HCTP.

Nguyễn Anh Dũng